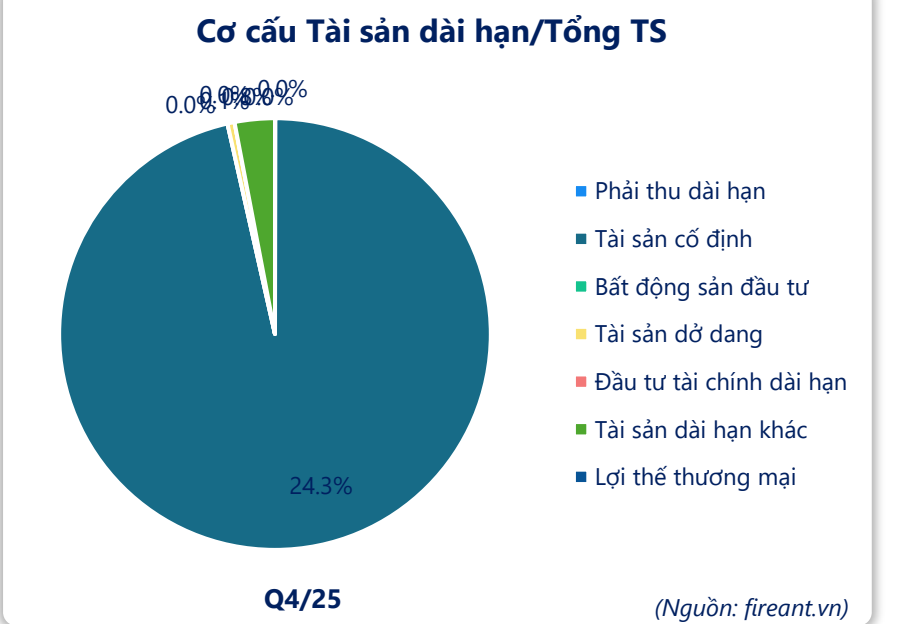
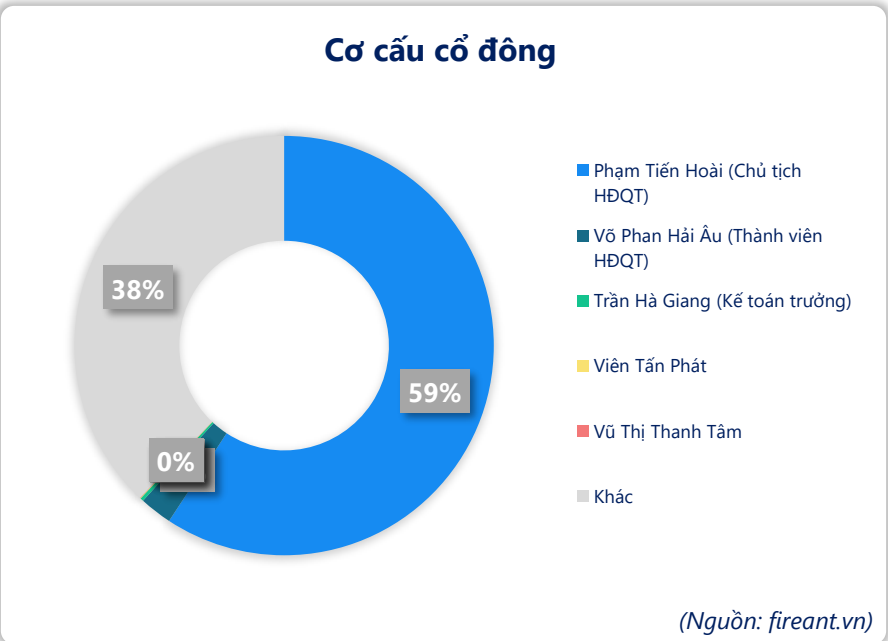
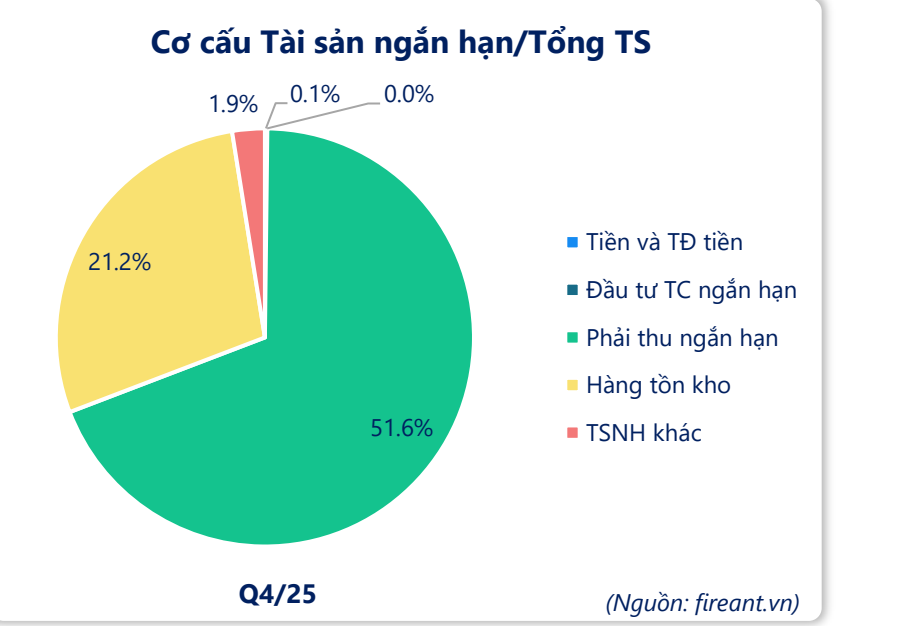
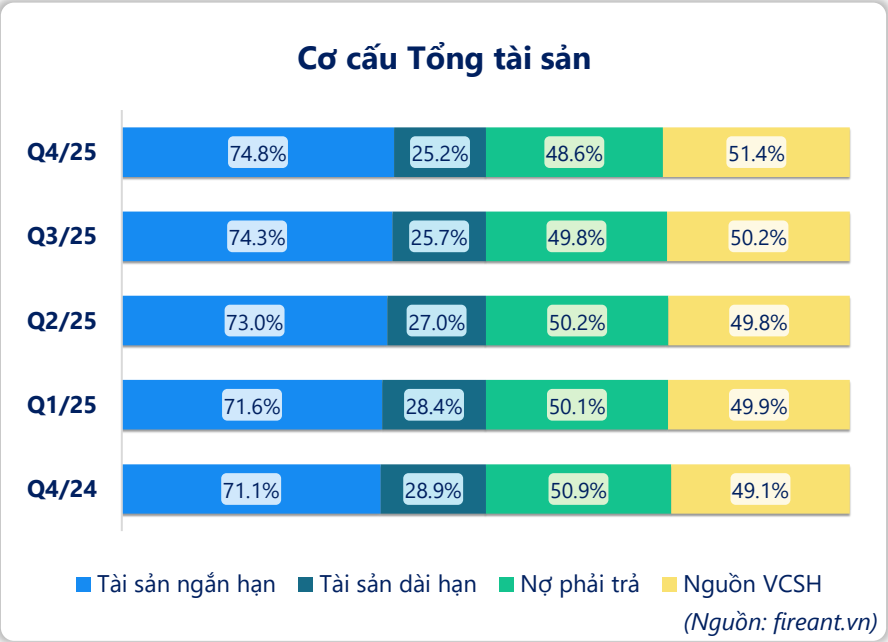
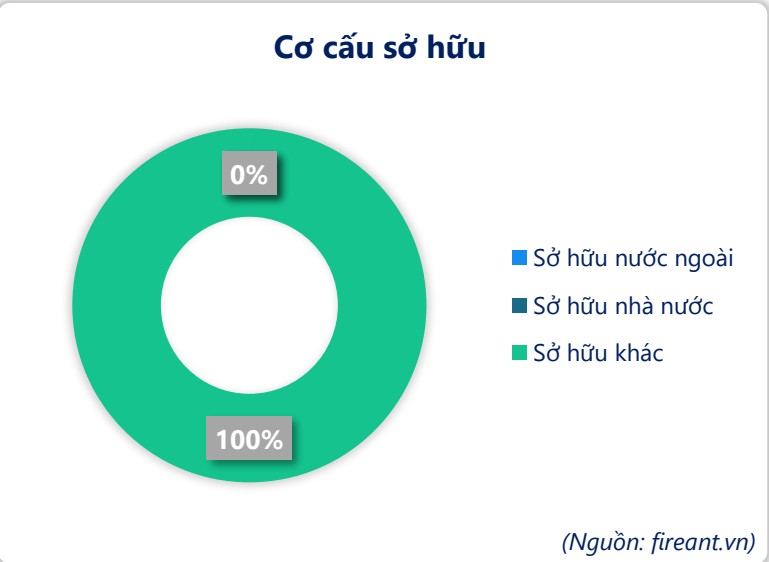
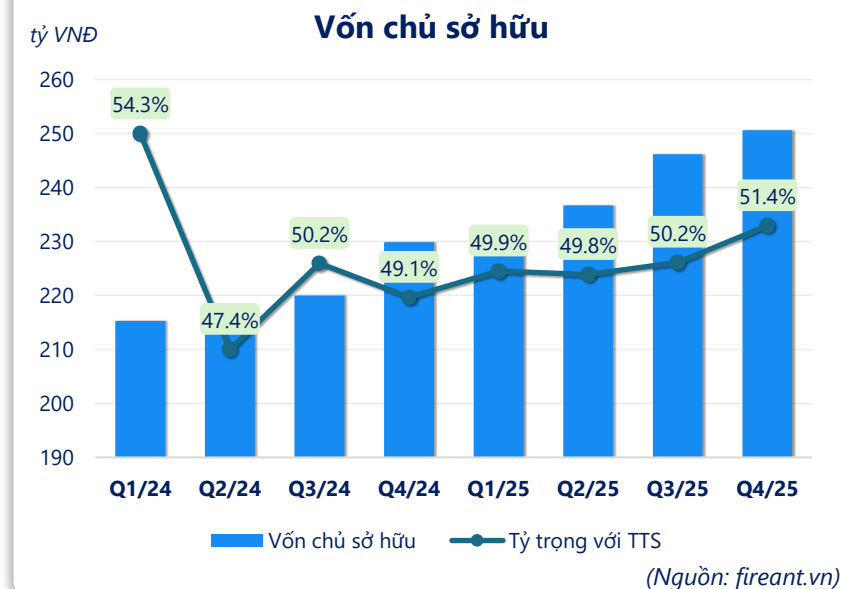
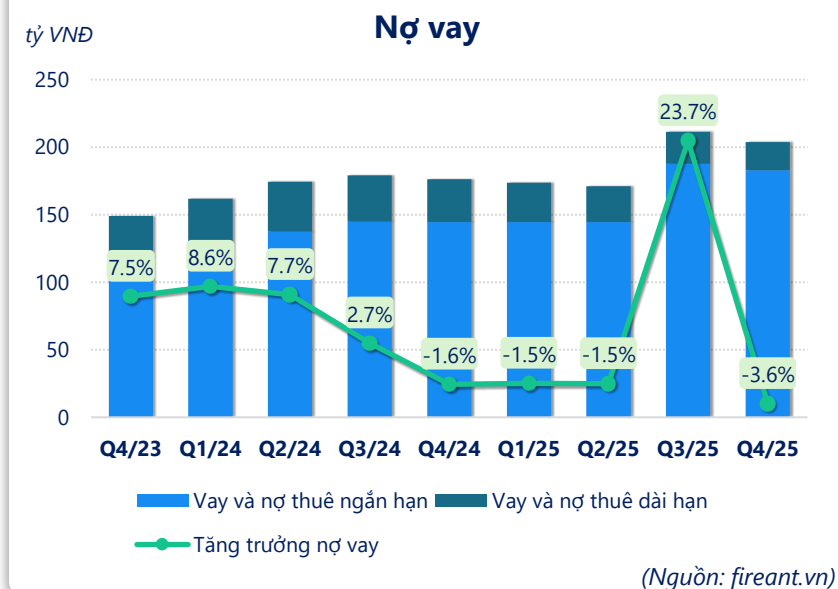
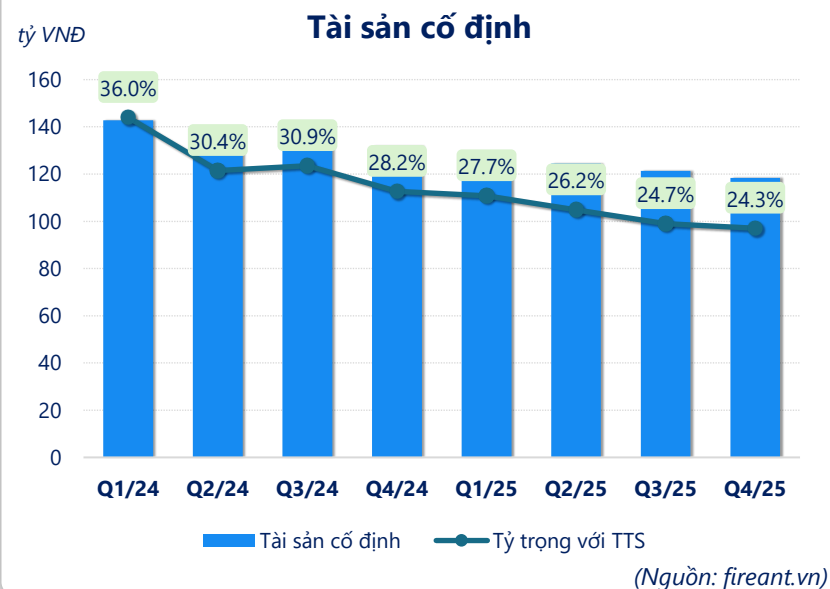
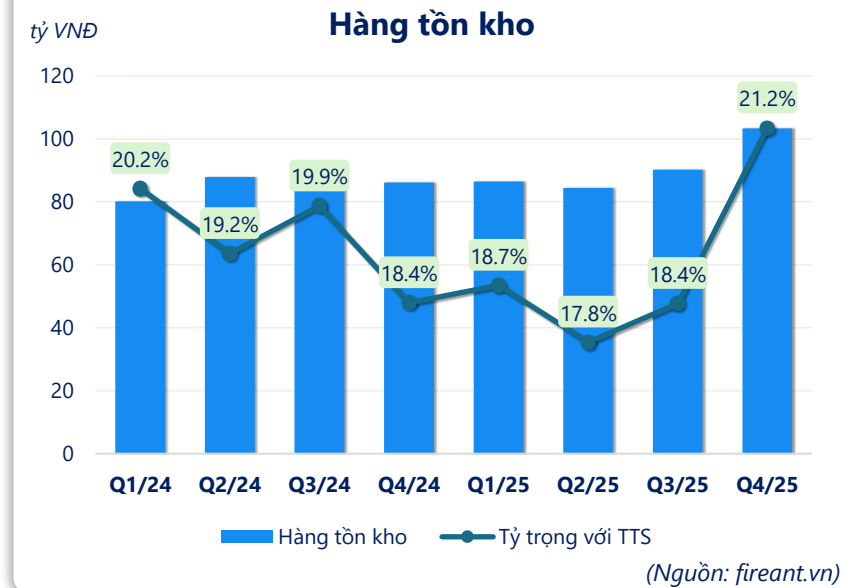
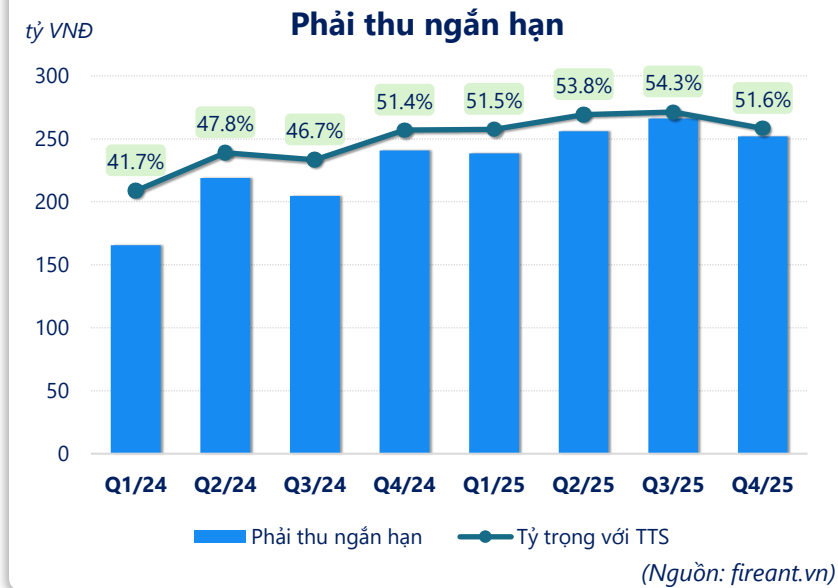
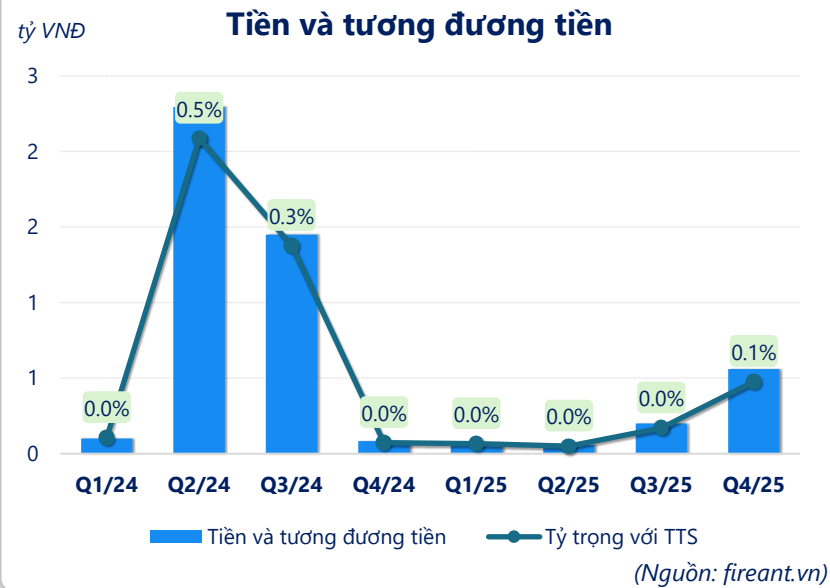
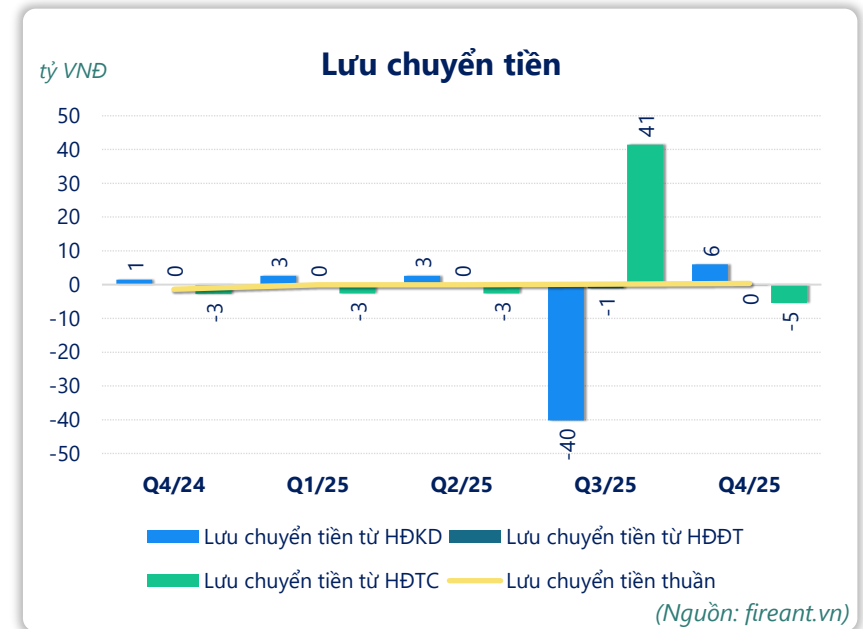
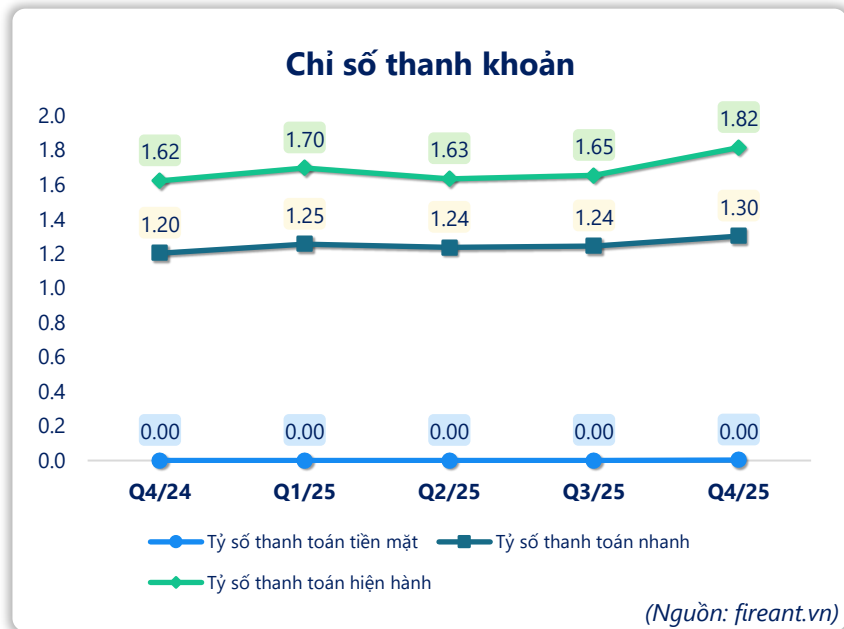
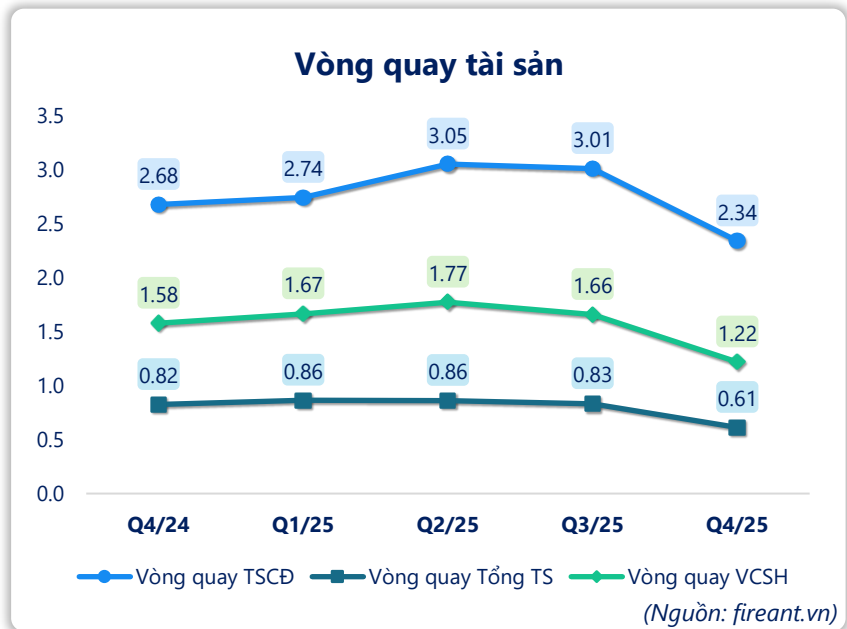
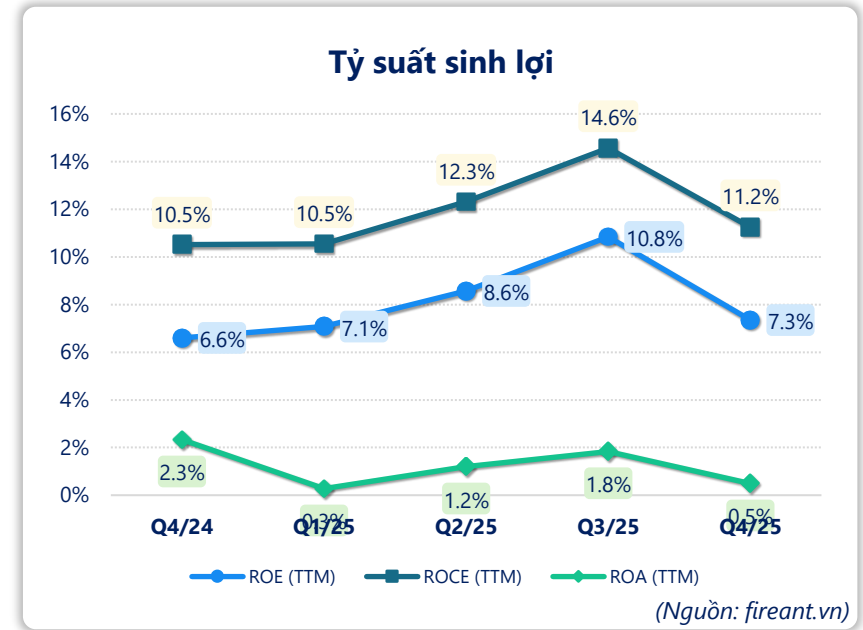
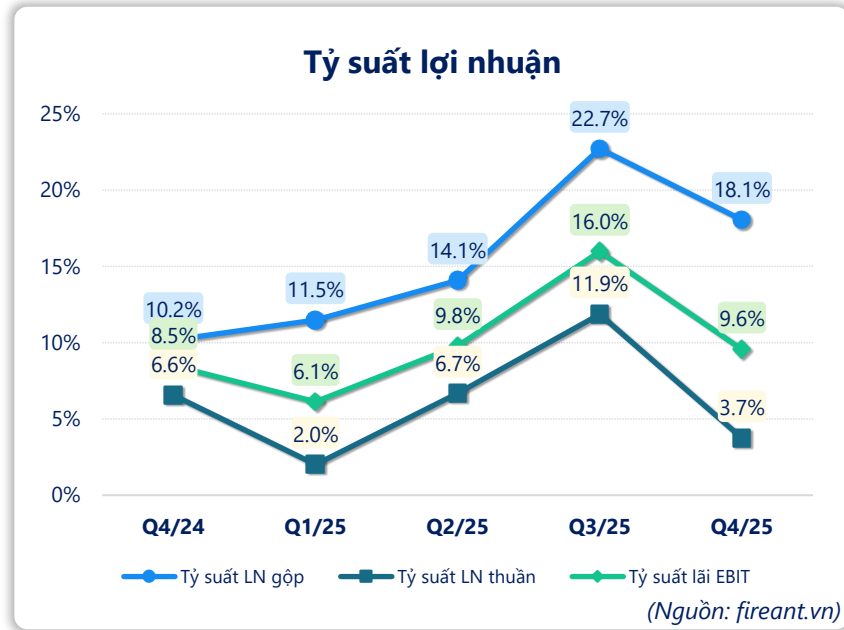
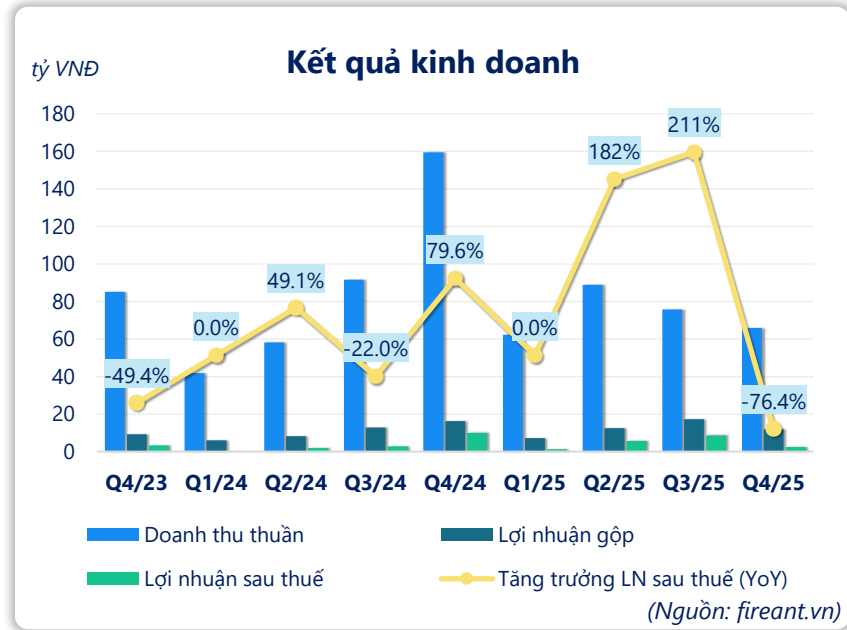


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,085
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,222
SL cổ phiếu LH		22,805,789
KLGD BQ 20 phiên (CP)		14,355
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		139
P/E		7.9
EPS		774

	YTD	1T	3T	6T
TT6	-23.7%	-9.0%	4.5%	11.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	488	468	4.2%
Tài sản ngắn hạn	365	333	9.7%
Tiền và tương đương tiền	0.56	0.08	579%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.12	0.11	4.6%
Phải thu ngắn hạn	252	241	4.7%
Hàng tồn kho	103	86.2	19.9%
Tài sản ngắn hạn khác	9.20	5.98	54.0%
Tài sản dài hạn	123	135	-9.3%
Phải thu dài hạn	0.04	0	
Tài sản cố định	118	132	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.65	0.09	619%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.69	3.41	8.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	237	238	-0.5%
Nợ ngắn hạn	201	205	-2.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	183	145	26.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.3	13.1	-5.7%
Nợ dài hạn	36.2	33.3	8.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.1	31.7	-33.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	251	230	9.0%
Vốn chủ sở hữu	251	230	9.0%
Vốn điều lệ	228	205	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	159	62.4	88.9	75.8	65.8
Giá vốn hàng bán	143	55.2	76.4	58.6	53.9
Lợi nhuận gộp	16.2	7.16	12.5	17.2	11.9
Doanh thu HĐTC	0.34	0.16	0.36	0.39	0.23
Chi phí TC	3.13	2.68	2.87	3.19	4.02
Chi phí lãi vay	3.09	2.57	2.80	3.12	3.83
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.40	0.96	1.79	2.52	3.37
Chi phí QLDN	1.57	2.42	2.29	2.90	2.25
LN thuần từ HĐKD	10.5	1.26	5.93	8.99	2.47
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	-0.03	0.00	-0.01
LN trước thuế	10.5	1.26	5.90	8.99	2.45
Lợi nhuận sau thuế	9.93	1.19	5.59	8.54	2.33
LNST của CĐ cty mẹ	9.93	1.19	5.59	8.54	2.33

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.44	2.59	2.62	-40.2	6.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	-1.06	-0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.80	-2.60	-2.63	41.4	-5.46
Tiền đầu kỳ	1.45	0.08	0.07	0.06	0.20
Lưu chuyển tiền thuần	-1.37	-0.01	-0.02	0.14	0.35
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	0.08	0.07	0.06	0.20	0.56

(Nguồn: fireant.vn)